TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CON CUÔNG
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 110/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 10 - 2019
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Hồng Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Anh;

2. Ông Cao Khắc Hùng;

Thư ký phiên tòa: Ông Ngân Mai Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Con Cuông – tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hoan -Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 67/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXX-ST ngày 10/9/2019giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Vi Thị Ng - sinh năm 1987.

Nơi Đ ký NKTT: Bản ĐTn, xã LK, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Bản TH, xã YK, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: anh Vi Văn T – sinh năm 1989.

Địa chỉ: Bản ĐTn, xã LK, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày 05/4/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Vi Thị Ng trình bày: giữa chị và bị đơn anh Vi

Văn T kết hôn với nhau vào ngày 12/4/2010 tại UBND xã YK, huyện Con Cuông, tinh Nghệ An, Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm các quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, trong cuộc sống vợ chồng thiếu sự tôn trọng, thường xuyên cãi vã, chửi bới, xúc phạm lẫn nhau, đã nhiều lần anh T đánh đập chị, đuổi chị ra khỏi nhà. Nguyên nhân là do anh T không tu chí làm ăn, ham chơi đua đòi, thường xuyên rượu chè bê tha về hành hạ vợ con. Việc mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được hai bên gia đình nội ngoại và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần, nhưng sau mỗi lần hòa giải tình cảm vẫn không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng, vì vậy mà từ cuối năm 2006 vợ chồng chị không còn sống chung với nhau nữa. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị ly hôn bị đơn anh Vi Văn T.

- Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng chị có hai người con chung tên là Vi Nguyên Đ, sinh ngày 02/12/2009 và Vi Nguyên Đ, sinh ngày 16/8/2011. Hiện nay cả hai con đang sống với ông bà nội tại Bản ĐTn, xã LK, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung: chị và anh Vi Văn T thỏa thuận tự chia không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Vi Văn T vắng mặt mặc dầu đã đ□ợc Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định tại Điều 204; 207; 208 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/6/2019 các cháu Vi Nguyên Đ và Vi Nguyên Đ có nguyện vọng được sống với mẹ để có điều kiện học hành.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị Hôi đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình: xử cho chị Vi Thị Ng được ly hôn với anh Vi Văn T; về con: giao con chung Vi Nguyên Đ và Vi Nguyên Đ cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành; về tài sản: chị Ng và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét; về án phí: chị Ng phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con: Theo kết quả xác minh tại Công an xã LK, huyện Con Cuông thể hiện " anh T có Đ ký hộ khẩu thường trú tại xã LK nhưng hiện nay anh T không có mặt ở địa phương, khi đi không báo cho chính quyền địa phương biết nên không biết địa chỉ thay đổi của anh T". Như vậy căn cứ vào kết quả xác minh cho thấy: Hiện anh T đã thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho nguyên đơn cũng như chính quyền địa phương về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự, trường hợp này được coi là cố tình dấu địa chỉ. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì địa chỉ cuối cùng của anh T theo hộ khẩu thường trú là tại Bản ĐTn, xã LK, huyện Con Cuông nên Tòa án nhân dân huyện Con Cuông thụ lý giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Vi Văn T đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chưa thành niên sau khi ly hôn nên theo quy định, Tòa án xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp tại UBND xã LK, huyện Con Cuông là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: xét chị Vi Thị Ng và anh Vi Văn T Đ ký kết hôn ngày 12/4/2010 tại UBND xã YK, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là tự nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm các quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy hôn nhân là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T không tu chí làm ăn, ham chơi đua đòi, thường xuyên rượu chè bê tha về hành hạ, đánh đập vợ con. Hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa. Như vậy, chị Ng và anh T đã vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng, không sống chung với nhau mà không có lý do chính đáng.

Tại phiên tòa anh T vắng mặt không có ý kiến trình bày nhưng qua xác minh tại địa phương cho thấy giữa vợ chồng chị Ng và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuân do anh T thường xuyên uống rượu về xúc phạm đánh đập vợ con vì vậy mà hai vợ chồng đã không còn sống chung với nhau nữa.

Xét thấy, giữa chị Ng và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế cần cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho chị Vi Thị Ng được ly hôn với anh Vi Văn T.

Về con chung: Chị Ng và anh T có hai con chung là Vi Nguyên Đ, sinh ngày 02/12/2009 và Vi Nguyên Đ, sinh ngày 16/8/2011. Hiện hai cháu đang sống với ông bà nội (bố, mẹ anh T), quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa chị Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy khi cha, mẹ ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về vật chất và tinh thần. Như vậy nguyện vọng của chị Ng là chính đáng, thể hiện tinh thần và trách nhiệm của người mẹ dành cho con và cũng phù hợp với nguyện vọng của con. Mặt khác qua các minh hiện nay anh T không có mặt ở địa phương, việc giao con cho anh T nuôi dưỡng là không đảm bảo điều kiện về mọi mặt cho con. Hồi đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận giao con chung là cháu Vi Nguyên Đ và Vi Nguyên

Đ cho chị Ng trược tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Vi Văn T.

Về tài sản chung: do các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: chị Vi Thị Ng phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 207, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho chị Vi Thị Ng được ly hôn anh Vi Văn T.

Về con chung: Giao con chung Vi Nguyên Đ, sinh ngày 02/12/2009 và Vi Nguyên Đ, sinh ngày 16/8/2011cho chị Vi Thị Ng trực tiếp nuôi dưỡng cho đến cháu Đ, cháu Đ tròn 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Vi Văn T.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Chị Ng cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về án phí: áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Vi Thị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0007413 ngày 05/6/2019.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND H. Con Cuông;*
- *Chi cục THADS H. Con Cuông;*
- *UBND xã YK;*
- *Lưu Hồ sơ, VP;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Phan Hồng Lợi